

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-PT

Ngày 18/8/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐ-PT ngày 11/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Văn B, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Bị đơn: Ông Triệu Văn V, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L - Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mạc Thị Đ, sinh năm 1969, có mặt.

2. Anh La Văn P, sinh năm 1990, vắng mặt.

3. Anh La Văn H, có mặt.
4. Anh La Văn H1, sinh năm 1995, vắng mặt.
5. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1962, có mặt.
6. Anh Triệu Văn G, sinh năm 1992, có mặt.
7. Anh Triệu Văn L, sinh năm 1994, có mặt.
8. Chị Triệu Thị T, sinh năm 1997, vắng mặt.
9. Chị Liễu Thị L, sinh năm 1978, có mặt.
10. Chị Quàng Thị T, sinh năm 1990, có mặt.
11. Anh Triệu Văn H, sinh năm 1987, có mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Triệu Thị H, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

13. Chị Triệu Thị D, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ dân phố L, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

14. Chị Triệu Thị X, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

15. Chị Triệu Thị Thanh T, sinh năm 2001. Trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

16. Ông Phùng Văn T, sinh năm 1964, vắng mặt.

17. Ông Phùng Văn T1, sinh năm 1958, vắng mặt.

18. Ông Phùng Văn H, sinh năm 1970, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

19. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V. Người đại diện theo pháp luật là ông Triệu Văn P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Triệu Thị S. Bà Triệu Thị L. Cùng trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt.

Bà Triệu Thị K. Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Ông Triệu Văn C. Trú tại: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Ông La Văn L, có mặt.

Ông La Văn N, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bà La Thị S. Trú tại: thôn C, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Bà La Thị T. Trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Bà La Thị N1. Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Ông Hoàng Văn M. Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông La Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn La Văn B trình bày: Gia đình ông có rừng hồi già tại K, Thôn N, xã Y, huyện V, trước đây địa danh này gọi là “N”, nguồn gốc là của ông cha để lại, sau đó bố mẹ để cho ông quản lý, sử dụng từ năm 1989 nhưng chỉ nói bằng miệng. Năm 1997 ông được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng số lô 370, năm 2000 thì được cấp đổi chuyển sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa đỏ) số thửa 370, đến năm 2009 khi Nhà nước đo đạc lại bản đồ địa chính thì ông kê khai cấp đổi và năm 2011 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 287137 cấp ngày 30/11/2011 mang tên vợ chồng là La Văn B và Mạc Thị Đ thuộc thửa số 757 diện tích 8.674m². Gia đình ông quản lý, sử dụng từ xưa đến nay, thửa đất có các phía tiếp giáp rõ ràng. Ngày 27/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất tranh chấp là 266,0m² nằm trong thửa số 1102 tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là đất chưa sử dụng, hiện trạng là đất rừng sản xuất, có các hướng tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất rừng hồi ông La Văn B; Phía Nam giáp mỏm đá trên đất của ông Triệu Văn V; Phía Đông giáp đất của ông Triệu Văn V; Phía Tây giáp ruộng của ông La Văn N. Tài sản trên đất có 08 cây trầu và 01 cây vông. Ông La Văn B cho rằng các cây trầu là tự mọc, còn cây vông là do ông La Văn N trồng. Ông Triệu Văn V cho rằng cây trầu và cây vông là do ông trồng. Nay ông La Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng diện tích 266,0m² thuộc thửa 1102 tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Y, huyện V và được sở hữu tài sản trên đất gồm 08 cây trầu và 01 cây vông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là bà Mạc Thị Đ, anh La Văn H, La Văn P, La Văn H1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông La Văn B, không có yêu cầu độc lập, yêu cầu giải quyết cho ông La Văn B và bà Mạc Thị Đ được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

Bị đơn Triệu Văn V trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc địa danh T - P, Thôn N, xã Y, huyện V, nguồn gốc là của bố ông là Triệu Văn Đ, mẹ là Triệu Thị C để lại. Ông được cùng bố, mẹ quản lý sử dụng từ ngày xưa, có đường hào làm ranh giới do bố mẹ ông cuốc từ lâu. Đến năm 2010 bố, mẹ ông chết thì vợ chồng ông trực tiếp quản lý khu đất này, hàng năm chỉ trồng ngô, sản không trồng cây gì khác, quá trình canh tác sử dụng ông không thấy có cây hồi nào trên khu đất này, cũng không thấy ông La Văn B đến trồng cây hồi. Rừng hồi nhà ông La Văn B là tiếp giáp với đất tranh chấp được ngăn cách bằng đường hào. Đường hào này thẳng với hàng cây tre phía trên phần đất không tranh chấp, đây được coi là ranh giới thửa đất của hai gia đình. Từ năm 2015 đến năm 2020 gia đình ông

không đi canh tác, bỏ không là vì gia đình neo người, nhưng ông vẫn quản lý. Đến tháng 12 năm 2019 ông La Văn B lấy hồi về trồng, đến tháng giêng năm 2020 ông mới phát hiện và có ngăn cản không cho trồng nên ông có nhờ các cây hồi đi thì mới xảy ra tranh chấp. Rừng hồi nhà ông La Văn B đã có cây hồi to, còn mảnh vườn nhà ông trước đây và hiện nay không có cây hồi nào. Thửa đất này gia đình ông đã được đi kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do có đá và diện tích nhỏ nên không được cấp. Nay ông khẳng định đất tranh chấp không phải ở địa danh K, mà thuộc địa danh T - P, vì vậy ông yêu cầu giải quyết cho vợ chồng ông được quản lý sử dụng diện tích đất tranh là 266,0m² và sở hữu các tài sản trên đất gồm có 08 cây trâu và 01 cây vông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Bà Hoàng Thị V, chị Triệu Thị H, chị Triệu Thị H, anh Triệu Văn H, chị Triệu Thị D, anh Triệu Văn G, anh Triệu Văn L, chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị T, chị Triệu Thị Thanh T, chị Liễu Thị L, chị Quảng Thị T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Triệu Văn V, không có yêu cầu độc lập, đề nghị giải quyết cho ông Triệu Văn V và bà Hoàng Thị V quản lý, sử dụng diện tích 266,0m² đất tranh chấp tại T - P và sở hữu tài sản trên đất.

Tại kết luận giám định tư pháp ngày 29/3/2021 xác định: đối chiếu, lồng ghép giữa bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 xã Y với bản đồ giao đất lâm nghiệp, Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0211644 cấp ngày 01/12/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 287137 cấp ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông La Văn B, cho thấy: Thửa đất số 757 tờ số 02 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 xã Y, huyện V trùng với vị trí lô đất số 370 của bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Y; Xác định diện tích đất tranh chấp 266,0m² thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn trích đo ngày 27/01/2021, tương ứng với lô số 369 của bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là thửa số 1102 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000*), không trùng với diện tích đất lô 370 mà ông La Văn B được giao quyền quản lý theo quyết định số: 106/UB-QĐ ngày 24/5/1997 của UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn, không trùng vị trí với thửa 757 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 287137 ngày 30/11/2011 đã cấp cho hộ ông La Văn B và bà Mạc Thị Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tại văn bản số: 146/CV-UB ngày 11/3/2021 và văn bản số: 196/CV-UB ngày 02/4/2021: Chưa xác định đất đang tranh chấp do hộ gia đình nào quản lý, sử dụng, cả hai gia đình chưa đến Ủy ban nhân dân xã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, do vậy chưa được giao cho bên nào quản lý, sử dụng. Đất không thuộc quy hoạch sử dụng vào các công trình phúc lợi của xã. Trường hợp trên bản đồ thể hiện đất chưa sử dụng thì được giao cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng nếu gia đình chứng minh được khu đất là của gia đình. Trong biên bản hòa giải của thôn, xã và xác minh tại thực địa khu đất tranh chấp không có cây hồi to, cây hồi nhỏ. Diện tích đất tranh chấp hiện nay có diện tích 266m², thuộc

một phần thửa đất số 1102 trước đây không ai quản lý rõ ràng, nên mới xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình. Phần còn lại không có tranh chấp do ông Triệu Văn V quản lý và sử dụng.

Ông Phùng Văn T, ông Phùng Văn H khẳng định tại biên bản xác minh, biên bản làm việc ngày 20/4/2021: Gia đình có đất tại địa danh T – P, giáp đất rừng ông Triệu Văn V, số thửa 369 theo sổ Bìa xanh được cấp và chuyển sổ Bìa đỏ nhưng không ghi ngày, tháng, năm, diện tích 6.200m², đến năm 2011 được tách thành 02 thửa là thửa 810 mang tên ông Phùng Văn T và thửa 783 mang tên ông Phùng Văn H, thửa đất của gia đình ông trên đỉnh đồi giáp đất nhà ông La Văn L. Các ông Phùng Văn T, Phùng Văn T1, ông Phùng Văn H không yêu cầu được quản lý sử dụng đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Những người làm chứng trình bày:

Bà La Thị S, La Thị T, La Thị N là chị, em của ông La Văn B: Diện tích đất tranh chấp là của bố, mẹ để lại cho ông La Văn B quản lý, nhà ông Triệu Văn V chỉ có ruộng, không có đất rừng ở khu vực này, ông La Văn B được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Bà Triệu Thị S, Triệu Thị L, Triệu Thị K, ông Triệu Văn C là chị, em của ông Triệu Văn V trình bày: Đất tranh chấp tại T – P là của bố, mẹ để lại cho ông Triệu Văn V quản lý, sử dụng vì đất tại T – P đã được bố, mẹ để lại cho ông Triệu Văn V quản lý từ năm 2009. Nay bà Triệu Thị S, bà Triệu Thị L, bà Triệu Thị K, ông Triệu Văn C đề nghị giải quyết cho ông Triệu Văn V quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Ông La Văn L trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông La Văn B và ông Triệu Văn V có địa danh là T – P, từ cây trầu trở sang rừng hồi nhà ông La Văn B mới là K. Đất đang tranh chấp là của ông La Văn P để lại cho ông La Văn B quản lý từ năm 1989. Trước đây trên vị trí này còn có cây hồi to, do bố ông La Văn B trồng, hiện tại trên diện tích tranh chấp thì không có cây hồi nào, còn đường hào là bố ông Triệu Văn V đào từ xưa. Năm 1967 gia đình ông Triệu Văn V chuyển về sinh sống mua đất của ông Phùng Văn L sau đó cải tạo thành ruộng, chỗ đất tranh chấp không phải của ông Triệu Văn V, mà thuộc Ủy ban xã quản lý.

Ông La Văn N trình bày: Địa danh đất tranh chấp giữa ông La Văn B và ông Triệu Văn V là T – P, từ trước đến nay không thấy có ai trồng hồi, trên đất cũng chưa bao giờ có cây hồi. Ông không được trồng cây vông trên đất tranh chấp. Về ranh giới trước đây có hàng bụi rậm thẳng lên đến cây trầu to, thẳng lên đến hàng cây tre, hàng cây tre này là ranh giới có từ thời bố, mẹ ông Triệu Văn V làm ruộng.

Ông Hoàng Văn M trình bày: Về địa danh đất tranh chấp ông được biết là T – P, ranh giới đất tranh chấp giữa hai hộ gia đình là từ hòn đá lên đến hàng cây tre, đến đỉnh theo giồng đồi, trên ranh giới có cây trầu, còn đường hào có từ bao giờ ông không biết, vì ông không được lên chỗ đất này bao giờ, ông được biết gia đình ông Triệu Văn V đã quản lý từ những năm 1990 trở lại đây, ông Triệu Văn

V đã rào thẳng lên đến cây trầu để trâu bò khỏi vào phá ruộng, nhưng ông không thấy trồng cây gì trên đất, từ trước đến nay không thấy có cây hời và cũng không biết có ai trồng hay không, hàng năm thấy phát quang nhưng không biết ai phát.

Văn bản số: 408/UBND-TNMT ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện V cung cấp thông tin: Thửa đất số 1102, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Y có diện tích 2299,0m², mục đích sử dụng: BCS (đất bằng chưa sử dụng). Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp xã Y cho thấy thửa đất trên chưa thực hiện giao đất, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân; Kiểm tra hồ sơ giao đất giao rừng xã Y năm 1997, ông La Văn B được UBND huyện V giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất rừng theo Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 24/5/1997 đối với thửa đất số 370 diện tích 0,7ha có địa danh N. Năm 2000 gia đình ông La Văn B có đơn kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 370 diện tích 0,7ha. Năm 2009 hộ gia đình ông La Văn B và bà Mạc Thị Đ kê khai xin cấp đổi sổ. Năm 2011 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 757 tờ bản đồ số 2 bản đồ đất lâm nghiệp xã Y, huyện V số BK287137 số vào sổ CH00476, ngày cấp 30/11/2011. Về địa danh không xác định được là các địa danh N, K, T – P có phải cùng một vị trí hay không. Diện tích đất tranh chấp thuộc đất lâm nghiệp, không nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng các công trình công cộng phúc lợi, phát triển kinh tế - xã hội.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn B, giải quyết cho ông La Văn B được quản lý sử dụng diện tích 266,0m² tại T – P thuộc một phần thửa 1102 tờ bản đồ số 2 xã Y. Buộc bị đơn và những người liên quan chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; từ trước đến nay bị đơn quản lý sử dụng và có đường hào, hàng rào ranh giới rõ ràng, có cây trầu và cây vông do ông Triệu Văn V trồng, địa danh là T – P, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho gia đình ông Triệu Văn V được quản lý sử dụng diện tích 266,0m² tại T – P, thuộc thửa 1102 tờ bản đồ số 2 xã Y, huyện V và sở hữu tài sản trên đất tranh chấp.

Với nội dung trên, Bản án số 05/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định.

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 162; khoản 1 Điều 165; Điều 166; Điều 228; Điều 229; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 46, 75, 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Các Điều 4; 12; 26; 135; 166; 170; 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Văn B, đòi quản lý sử dụng diện tích $266m^2$ và sở hữu tài sản trên đất thuộc một phần thửa 1102 tại địa danh T – P, Thôn N, xã Y, huyện T – P, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Ông Triệu Văn V và bà Hoàng Thị V được quyền quản lý, sử dụng $266,0m^2$ thuộc một phần thửa 1102m² tại T – P, Thôn N, xã Y, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 27/01/2021, cùng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp gồm 08 cây trầu và 01 cây vông.

1.3. Buộc nguyên đơn La Văn B và những người liên quan phía nguyên đơn chấm dứt tranh chấp diện tích đất bên bị đơn được quản lý sử dụng. Ông Triệu Văn V và bà Hoàng Thị V có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông La Văn B phải tự chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và giám định bản đồ với tổng số tiền là 13.732.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). Xác nhận ông La Văn B đã nộp đủ toàn bộ số tiền trên tại Giấy biên nhận ngày 06/01/2021.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong hạn luật định, ông La Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Xử lý bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông được quyền quản lý sử dụng diện tích $266m^2$ đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất 1102 và được quyền quản lý sử dụng tài sản trên đất tranh chấp.

2. Ông Bắc không phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông La Văn B và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, để phục vụ cho việc kháng cáo của mình.

Bị đơn ông Triệu Văn V và người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn đề nghị giữ nguyên như Bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông La Văn B làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông La Văn B kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích $266m^2$ đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất 1102 và được quyền quản lý sử dụng tài sản trên đất tranh chấp, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ yêu cầu kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông La Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh La Văn P, La Văn H1, chị Triệu Thị D, chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị T, chị Triệu Thị Thanh T, ông Phùng Văn T, ông Phùng Văn T1, ông Phùng Văn H. Người đại diện UBND xã Y, huyện V. Những người làm chứng là ông Triệu Văn C, ông La Văn N và các nhân chứng khác, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa; Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông La Văn B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông được quyền quản lý sử dụng diện tích 266m² đất tranh chấp, thuộc một phần thửa đất 1102 và được quyền quản lý sử dụng tài sản trên đất tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng; yêu cầu kháng cáo của ông không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, nguồn gốc đất tranh chấp ông La Văn B cho rằng, do ông cha để lại nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Hơn nữa, quá trình gia đình ông đã quản lý sử dụng đất, đã được cấp sổ Bìa xanh từ năm 1997 tại lô 370 địa danh là N với diện tích là 0,7ha và đã kê khai chuyển đổi Bìa đỏ từ năm 2000 đã cấp sổ có số thửa là 370 với diện tích 0,7ha. Năm 2009 chính ông đi kê khai xin cấp đổi sổ hồng có số thửa là 757 địa danh là K, với diện tích là 8.600 m², trước đây vị trí tranh chấp có 04 cây hồi già nhưng cây đã chết, tại thời điểm xem xét thẩm định không còn và không xác định được vị trí gốc cây hồi bị chết. Mặt khác, ông La Văn B cho rằng năm 2019 gia đình ông trồng 14 cây hồi nhỏ trên đất tranh chấp, nhưng thực tế trên đất tranh chấp hiện nay không có cây hồi nào. Quá trình giải quyết vụ án ông không đưa ra được căn cứ chứng minh về quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp. Trong các tài liệu có trong hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V và văn bản số 408/UBND-TNMT ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cung cấp cũng đều thể hiện đất tranh chấp không nằm trong lô 370 và thửa 757 của hộ ông La Văn B. Về địa danh được cấp cho ông La Văn B năm 1997 là N, năm 2009 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là K. Nay địa danh đất tranh chấp là T – P, như vậy về địa danh phù hợp với lời khai của bị đơn ông Triệu Văn V và những người làm chứng là ông La Văn N, ông Hoàng Văn M, ông La Văn L và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V còn cho biết diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1102 do ông Triệu Văn V đang quản

lý, nay Ủy ban xã không yêu cầu quản lý đối với diện tích đất tranh chấp, do vậy ông Triệu Văn V và bà Hoàng Thị V yêu cầu được quản lý sử dụng đất tranh chấp là 266,0m² thuộc một phần thửa 1102 là có cơ sở xem xét. Căn cứ vào kết luận giám định bản đồ, xác định lô 370 và thửa 757 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông La Văn B là trùng một vị trí. Còn diện tích đất tranh chấp hiện nay là 266,0m², thuộc một phần thửa 1102 không nằm trong lô 370 và thửa 757 của ông La Văn B. Đồng thời, thửa 1102 trùng thửa 369, hiện nay thửa đất số 1102 là do UBND xã Y, huyện V quản lý, chưa được giao cho cá nhân, hộ gia đình nào quản lý. Do vậy, ông La Văn B yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 266,0m² thuộc một phần thửa 1102 tại T – P, thuộc Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là không có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 162; khoản 1 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; buộc ông La Văn B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và giám định bản đồ với tổng số tiền là 13.732.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng), xác nhận ông La Văn B đã nộp đủ, là đúng quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, ông La Văn B phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông La Văn B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị giải quyết cho ông Triệu Văn V, được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 266,0m² thuộc thửa 1102 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông La Văn B không được chấp nhận, nhưng do ông là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông La Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông La Văn B được miễn toàn bộ tiền án phí.

3. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cao Đức Chiến